ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 238 /QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 11 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 29/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 75/TTr-SNN-VP ngày 08/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum *(có Danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và:

- Thay thế thủ tục hành chính số 6 khoản II mục 1 phần I *(số 3 mục II phần II)* tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum; số 1, 2, 3, 4 khoản I mục 1 phần I *(số 1, 2, 3, 4 mục I phần II)* tại Quyết định số 609a/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính: số 5, 6 khoản I mục 1 phần I *(số 5, 6 mục I phần II)* tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum; số 1 điểm II khoản A mục 1 phần I *(số 1 khoản II mục A phần II)* tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ mới ban hành; sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ ngành Nông nghiệp và Phát triên nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu VT-KSTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Xuân Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/THAY THẾ VÀ BÃI BỎ NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH KON TUM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 898 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

PHẦN I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Bảo vệ thực vật			
1		Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón.	Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính
2		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón.	
3		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.	
4		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.	
II. Lĩnh vực lâm nghiệp			
1		Cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc của lô giống cây trồng lâm nghiệp	Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản			
1		Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ
2		Xác nhận lại nội dung quảng cáo	
II. Lĩnh vực chăn nuôi và thú y			
1		Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ

PHẦN II:
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC PHÂN BÓN.

1. Thủ tục: ***Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón.***

Trình tự thực hiện:	**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. - Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. **Bước 2:** Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. Nếu hồ sơ không hợp lệ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung hồ sơ. **Bước 3:** Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất phân bón. **Bước 4:** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. **Bước 5:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. **Bước 6:** Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổng hợp, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum để công bố trên Trang thông tin điện tử danh sách các tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện
Thành phần, số lượng hồ sơ:	**a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón *(theo mẫu)*; - Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón *(theo mẫu)*; - Bản sao hợp lệ phiếu kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đối với máy thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và các thiết bị đo lường thử nghiệm; - Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học của người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất; - Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Cam kết bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc phương án chữa cháy của cơ sở theo quy định hiện hành. ** **Lưu ý:** Bản sao hợp lệ là bản sao đã đối chiếu với bản chính hoặc bản in khai thác từ Cổng thông tin điện tử quốc gia có xác nhận của cán bộ tiếp nhận hồ sơ; bản sao được cấp từ bản gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.* b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết:	20 ngày làm việc *(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum

Kết quả:	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (Thời hạn của Giấy chứng nhận là 05 năm).
Phí, lệ phí:	Phí thẩm định kinh doanh cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón. Mức thu: 3.000.000 đồng/01 cơ sở/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón *(Mẫu số 12, Phụ lục I Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017)*; - Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón *(Mẫu số 14, Phụ lục I Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017).*
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	a) Tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với công suất của dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất phân bón; c) Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất từ khâu xử lý nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng đáp ứng công suất sản xuất và quy trình công nghệ; - Các công đoạn, hệ thống bắt buộc phải sử dụng máy thiết bị được cơ giới hoá hoặc tự động hóa, cụ thể: + Đối với phân bón dạng phối trộn khô, dạng bột, dạng hạt phải có hệ thống máy có cơ cấu quay hoặc khuấy, đảo nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng; có băng tải, dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi đóng gói thành phẩm. + Đối với phân bón dạng lỏng phải có hệ thống thùng chứa, thùng quay hoặc hệ thống khuấy trộn bằng cơ học hoặc khí nén nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng; có hệ thống đường ống hoặc bơm hoặc dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi chuyển đến máy đóng chai, đóng gói thành phẩm. + Đối với phân bón được tạo hạt từ nguyên liệu rời, ép hoặc nén thành viên phải có máy tạo hạt, ép viên. Phân bón có yêu cầu về cỡ hạt phải có sàng phân loại sản phẩm; đối với phân bón có yêu cầu về độ ẩm dưới 12% phải có hệ thống máy sấy. + Phân bón có yêu cầu về khối lượng tịnh phải có cân hoặc thiết bị đo lường có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường. Phân bón có yêu cầu về thể tích phải có trang thiết bị kiểm soát thể tích có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường. + Trường hợp tự sản xuất chủng men giống để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh hoặc phân bón vi sinh vật, phải có các thiết bị tạo môi trường và nuôi cấy vi sinh vật gồm: Cân kỹ thuật, máy lắc, nồi hấp tiệt trùng, tủ ấm, tủ sấy, máy lắc nhu động, lò vi sóng, tủ cấy vi sinh vật, tủ lạnh, nồi lên men hoặc thiết bị lên men. + Trường hợp tự lên men để sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh học phải có hệ thống thiết bị lên men thủy phân theo dây chuyền từ nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng. - Máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh theo quy định của pháp luật; d) Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt; có kệ hoặc bao lót để xếp đặt hàng; đ) Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.
Căn cứ pháp lý:	- *Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/ 9/2017 của Chính phủ;*

	- Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 09/02/2018 của Bộ Tài chính; *- Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

Mẫu số 12

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Kính gửi: .....(1)

1. Đơn vị chủ quản:.....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....ngày ..... Nơi cấp.....

Điện thoại: ..... Fax:.....E-mail: .....

2. Tên cơ sở : .....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, đơn vị trực thuộc/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: ..... ngày..... Nơi cấp.....

Điện thoại: ..... Fax:.....E-mail: .....

Địa điểm sản xuất phân bón:.....

Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón:.....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón

Loại hình sản xuất:

☐ Sản xuất tạo ra sản phẩm phân bón

☐ Đóng gói phân bón thành phẩm

Hình thức cấp:

☐ Cấp mới ☐ Cấp lại lần thứ .....

Lý do cấp lại.....

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin cam đoan thông tin trong đơn, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và tuân thủ các quy định của pháp luật về phân bón./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

Mẫu số 14

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT PHÂN BÓN

Kính gửi: .....

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Đơn vị chủ quản:

Tên tiếng Việt: .....

Tên tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên viết tắt (nếu có): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....Website:.....

2. Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

E-mail:..... Website:.....

3. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân:

Họ và tên: .....

Chức danh: .....

Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu số: .....

Ngày cấp: .../...../ .....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại: .....Fax:..... E-mail: .....

4. Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất:

Họ và tên: .....

Chức danh: .....

Điện thoại: .....Fax:..... E-mail: .....

5. Loại hình hoạt động:

- DN nhà nước ☐
- DN liên doanh với nước ngoài ☐
- DN tư nhân ☐
- DN 100% vốn nước ngoài ☐
- DN cổ phần ☐
- Khác: .....

6. Mục đích sản xuất phân bón:

Bán trong nước ☐ Xuất khẩu ☐

Khác ☐ Nêu cụ thể .....

7. Công suất thiết kế: .....

II. THÔNG TIN VỀ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT

1. Nhà xưởng:

- Sơ đồ tổng thể *(bản vẽ kèm theo)*
- Diện tích nhà xưởng (m^2): .....
+ Khu vực sản xuất (m^2): .....
+ Khu vực kho (m^2): .....

** Trường hợp có nhiều địa điểm sản xuất và kho thì liệt kê đầy đủ tên, địa chỉ, điện thoại.*

2. Thống kê dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất phân bón, gồm các thông tin: Tên máy thiết bị, công suất thiết kế, công nghệ, nguồn gốc.

3. Bản vẽ thiết kế dây chuyền sản xuất *(bản vẽ kèm theo)*

4. Sơ đồ, thuyết minh quy trình sản xuất: .....

5. Tổng số lao động sản xuất phân bón: .....

6. Danh mục phân bón sản xuất (thống kê từng địa điểm sản xuất phân bón):

STT	Loại phân bón	Dạng phân bón	Công suất	Phương thức sử dụng

7. Hệ thống xử lý chất thải:

- Nước thải: ☐ Có ☐ Không
- Khí thải: ☐ Có ☐ Không
- Chất thải rắn *(bao gồm cả cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý)*: .....

8. Trang thiết bị bảo hộ lao động: .....

9. Trang thiết bị phòng chống cháy nổ:.....

10. Phòng thử nghiệm

☐ Có (tiếp tục khai báo mục a)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục b)

a) Nếu có, bổ sung các thông tin sau

- Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 17025-2005 hoặc tương đương:

☐ Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận .....

☐ Cơ sở tự áp dụng

- Thiết bị thử nghiệm

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Công suất	Năm bắt đầu sử dụng

- Chỉ tiêu thử nghiệm

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp	Ghi chú

*(Đánh dấu * đối với các chỉ tiêu thử nghiệm được công nhận/chỉ định bởi các tổ chức chứng nhận/Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

- Nhân lực

STT	Họ và tên	Năm sinh	Nam/ Nữ	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ, chức danh	Khóa đào tạo đã tham gia	Ghi chú

b) Nếu không có, cung cấp tên phòng thử nghiệm và hợp đồng kiểm tra chất lượng thành phẩm.....

11. Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp ISO 9001 hoặc tương đương

☐ Bản sao chụp kèm theo

☐ Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận .....

☐ Cơ sở tự áp dụng

12. Hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001 hoặc tương đương

☐ Được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận .....

☐ Cơ sở tự áp dụng

13. Những thông tin khác:.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Đối với hình thức đóng gói phân bón thì không phải khai báo, thuyết minh về quy trình sản xuất, phòng thử nghiệm, hệ thống quản lý môi trường phù hợp ISO 14001.

---

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

2. Thủ tục: ***Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón.***

Trình tự thực hiện:	**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật *(Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn, trước thời hạn 03 tháng kể từ ngày hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất phân bón có nhu cầu tiếp tục sản xuất phân bón phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại).* - Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. **Bước 2:** Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc; nếu hồ sơ không hợp lệ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung hồ sơ. **Bước 3:** Thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón - Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn: + Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất phân bón và lập Biên bản kiểm tra. + Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + Trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời hạn của Giấy chứng nhận giữ nguyên thời hạn của Giấy chứng nhận đã cấp. + Trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính. Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện
Thành phần, số lượng hồ sơ:	**a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:** **** Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn, gồm:*** - Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón *(theo mẫu)*; - Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón *(theo mẫu)*; - Bản sao hợp lệ phiếu kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh đối với máy thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và các thiết bị đo lường thử nghiệm; - Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học của người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất; - Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết hoặc Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Cam kết bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy hoặc phương án chữa cháy của cơ sở theo quy định hiện hành. **** Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất***

	phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận, gồm: - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón *(theo mẫu)*; - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được sửa đổi *(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung về đăng ký doanh nghiệp hoặc địa điểm hoặc thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)*; + Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón *(theo mẫu)* đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh về điều kiện hoạt động, công suất sản xuất; + Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam hoặc hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc chuyển giao phân bón từ tổ chức, cá nhân khác *(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh bổ sung về loại phân bón sản xuất)*. - Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đã được cấp *(trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất)*. **** Lưu ý:*** *Bản sao hợp lệ là bản sao đã đối chiếu với bản chính hoặc bản in khai thác từ Cổng thông tin điện tử quốc gia có xác nhận của cán bộ tiếp nhận hồ sơ; bản sao được cấp từ bản gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.* b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết:	- 20 ngày làm việc *(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)* đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn. - 05 ngày làm việc *(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)* đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (cấp lại)
Phí thẩm định:	Phí thẩm định kinh doanh cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón. Mức thu: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón *(Mẫu số 12, Phụ lục I Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017)*[1]; - Bản thuyết minh về điều kiện sản xuất phân bón *(Mẫu số 14, Phụ lục I Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017)*[2].
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	**Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón hết hạn:** a) Tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với công suất của dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất phân bón; c) Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất từ khâu xử lý nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng đáp ứng công suất sản xuất và quy trình công nghệ;

[1] Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 1, mục I (mẫu số 12)
[2] Sử dụng mẫu bản thuyết minh tại TTHC số 1, mục I (mẫu số 14)

	- Các công đoạn, hệ thống bắt buộc phải sử dụng máy thiết bị được cơ giới hoá hoặc tự động hóa, cụ thể: + Đối với phân bón dạng phối trộn khô, dạng bột, dạng hạt phải có hệ thống máy có cơ cấu quay hoặc khuấy, đảo nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng; có băng tải, dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi đóng gói thành phẩm. + Đối với phân bón dạng lỏng phải có hệ thống thùng chứa, thùng quay hoặc hệ thống khuấy trộn bằng cơ học hoặc khí nén nguyên liệu, bán thành phẩm phục vụ việc phối trộn để tạo sản phẩm cuối cùng; có hệ thống đường ống hoặc bơm hoặc dây chuyền để vận chuyển nguyên vật liệu đến máy trộn và từ máy trộn đến thùng chứa trước khi chuyển đến máy đóng chai, đóng gói thành phẩm. + Đối với phân bón được tạo hạt từ nguyên liệu rời, ép hoặc nén thành viên phải có máy tạo hạt, ép viên. Phân bón có yêu cầu về cỡ hạt phải có sàng phân loại sản phẩm; đối với phân bón có yêu cầu về độ ẩm dưới 12% phải có hệ thống máy sấy. + Phân bón có yêu cầu về khối lượng tịnh phải có cân hoặc thiết bị đo lường có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường. Phân bón có yêu cầu về thể tích phải có trang thiết bị kiểm soát thể tích có độ chính xác theo quy định pháp luật về đo lường. + Trường hợp tự sản xuất chủng men giống để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh hoặc phân bón vi sinh vật, phải có các thiết bị tạo môi trường và nuôi cấy vi sinh vật gồm: Cân kỹ thuật, máy lắc, nồi hấp tiệt trùng, tủ ấm, tủ sấy, máy lắc nhu động, lò vi sóng, tủ cấy vi sinh vật, tủ lạnh, nồi lên men hoặc thiết bị lên men. + Trường hợp tự lên men để sản xuất phân bón hữu cơ sinh học, phân bón sinh học phải có hệ thống thiết bị lên men thủy phân theo dây chuyền từ nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng. - Máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh theo quy định của pháp luật; đ) Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt; có kệ hoặc bao lót để xếp đặt hàng; đ) Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.
Căn cứ pháp lý:	*- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ;* *- Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 09/02/2018 của Bộ Tài chính;* *- Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

3. Thủ tục: *Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.*

Trình tự thực hiện:	**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. - Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. **Bước 2:** Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. Nếu hồ sơ không hợp lệ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung hồ sơ. **Bước 3:** Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở buôn bán phân bón. **Bước 4:** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. **Bước 5:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện
Thành phần, số lượng hồ sơ:	**a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón *(theo mẫu)*; - Bản thuyết minh điều kiện buôn bán phân bón *(theo mẫu)*; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học của người trực tiếp buôn bán phân bón. ** **Lưu ý:** Bản sao hợp lệ là bản sao đã đối chiếu với bản chính hoặc bản in khai thác từ Cổng thông tin điện tử quốc gia có xác nhận của cán bộ tiếp nhận hồ sơ; bản sao được cấp từ bản gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.* **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ**
Thời hạn giải quyết:	10 ngày làm việc *(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
Phí thẩm định:	Phí thẩm định kinh doanh cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. Mức thu: 500.000 đồng/01 cơ sở/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón *(Mẫu số 13, Phụ lục I Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017)*; - Bản thuyết minh điều kiện buôn bán phân bón *(Mẫu số 15, Phụ lục I Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017)*.
Yêu cầu, điều kiện *(nếu có)*:	- Tổ chức, cá nhân được đăng ký hoặc thành lập theo quy định của pháp luật; - Có cửa hàng buôn bán phân bón. Cửa hàng buôn bán phân bón phải có: biển hiệu; sổ ghi chép việc mua, bán phân bón; bảng giá bán công khai từng loại phân bón niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc; - Có khu vực chứa phân bón; có kệ hoặc bao lót để xếp đặt hàng; - Người trực tiếp bán phân bón phải có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón. Trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học. Trường hợp buôn bán phân bón không có cửa hàng phải có đăng ký doanh

	nghiệp; có địa điểm giao dịch cố định, hợp pháp; có sổ ghi chép việc mua bán phân bón và người trực tiếp bán phân bón phải có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón; trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.
Căn cứ pháp lý:	*- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ;* *- Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 09/02/2018 của Bộ Tài chính;* *- Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

Mẫu số 13

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN

Kính gửi: .....(1)

1. Tên cơ sở:.....

Địa chỉ: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: ..... ngày ..... Nơi cấp.....

Tên chủ cơ sở/người đại diện theo pháp luật:.....

Điện thoại:..... Fax:.....E-mail: .....

Số chứng minh nhân dân số: .....Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

2. Tên đơn vị chủ quản: (nếu có).....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:.....E-mail: .....

3. Địa điểm nơi chứa (kho) phân bón: (nếu có).....

Đề nghị quý cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón

☐ Cấp ☐ Cấp lại

Lý do cấp lại.....

Hồ sơ gửi kèm:

.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực phân bón và các quy định pháp luật khác có liên quan./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1)Tên cơ quan có thẩm quyền

Mẫu số 15

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

BẢN THUYẾT MINH
VỀ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN PHÂN BÓN

Kính gửi: .....(1)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax:.....E-mail: .....

2. Tên tổ chức, cá nhân: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax:.....E-mail: .....

3. Loại hình hoạt động: (doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể) .....

4. Năm bắt đầu hoạt động:.....

5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:.....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BUÔN BÁN

1. Cửa hàng *(áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có cửa hàng)*

- Diện tích cửa hàng: ……m^2
- Diện tích/công suất khu vực chứa/kho chứa phân bón: …… m^2 hoặc ..... tấn
- Danh mục các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:.....

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó bao gồm các thông tin:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh; loại văn bằng, giấy chứng nhận (ngày cấp, thời hạn hiệu lực, tên cơ quan cấp, tên người được cấp).
- Những thông tin khác. .....

3. Nơi chứa phân bón:

☐ Có (tiếp tục khai báo mục a)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục b)

a) Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa phân bón: Từ 5.000 tấn trở lên ☐ Dưới 5.000 tấn ☐

Kích thước kho: .....

Thông tin về nơi chứa phân bón:.....

Tên người đại diện: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

b) Nếu không có kho riêng: nêu tên những đơn vị mà tổ chức, cá nhân có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

4. Nội quy phòng cháy chữa cháy ☐

5. Phương tiện phòng cháy chữa cháy: .....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu - nếu có)

---

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền

4. Thủ tục: ***Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.***

Trình tự thực hiện:	**Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. - Địa chỉ: 268 Phan Đình Phùng - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. **Bước 2:** Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. Nếu hồ sơ không hợp lệ phải thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung hồ sơ. **Bước 3:** Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính hoặc qua đường bưu điện
Thành phần, số lượng hồ sơ:	**a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón *(theo mẫu)*; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã được sửa đổi *(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung về đăng ký doanh nghiệp hoặc địa điểm hoặc thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)*; - Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón đã được cấp *(trừ trường hợp Giấy chứng nhận bị mất)*. ** **Lưu ý:** Bản sao hợp lệ là bản sao đã đối chiếu với bản chính hoặc bản in khai thác từ Cổng thông tin điện tử quốc gia có xác nhận của cán bộ tiếp nhận hồ sơ; bản sao được cấp từ bản gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.* **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ**
Thời hạn giải quyết:	05 ngày làm việc *(kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)*
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Cơ quan thực hiện:	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Kon Tum
Kết quả:	Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón
Phí thẩm định:	Phí thẩm định kinh doanh Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón. Mức thu: 200.000 đồng/01 cơ sở/lần
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón *(Mẫu số 13, Phụ lục I Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017)*[3].
Yêu cầu, điều kiện (nếu có):	- Tổ chức, cá nhân được đăng ký hoặc thành lập theo quy định của pháp luật; - Có cửa hàng buôn bán phân bón. Cửa hàng buôn bán phân bón phải có: biển hiệu; sổ ghi chép việc mua, bán phân bón; bảng giá bán công khai từng loại phân bón niêm yết tại nơi dễ thấy, dễ đọc; - Có khu vực chứa phân bón; có kệ hoặc bao lót để xếp đặt hàng; - Người trực tiếp bán phân bón phải có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón. Trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.

[3] Sử dụng mẫu đơn tại TTHC số 3, mục I (mẫu số 13)

	Trường hợp buôn bán phân bón không có cửa hàng phải có đăng ký doanh nghiệp; có địa điểm giao dịch cố định, hợp pháp; có sổ ghi chép việc mua bán phân bón và người trực tiếp bán phân bón phải có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về phân bón; trừ trường hợp đã có trình độ trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, nông học, hóa học, sinh học.
Căn cứ pháp lý:	*- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ;* *- Thông tư số 14/2018/TT-BTC, ngày 09/02/2018 của Bộ Tài chính;* *- Quyết định số 4441/QĐ-BNN-BVTV, ngày 31/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

1. Thủ tục: *Cấp Giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp.*

Trình tự thực hiện:	**Bước 1.** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum. - Địa chỉ: 806 Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần **Bước 2.** Tổ chức, cá nhân tham gia cùng với đoàn kiểm tra của Chi cục Kiểm lâm về nguồn gốc lô giống cây trồng lâm nghiệp tại hiện trường. **Bước 3.** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum hoặc qua dịch vụ bưu chính. - Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần
Cách thức thực hiện:	- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hoặc qua dịch vụ bưu chính; - Kiểm tra tại hiện trường.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	**a) Thành phần hồ sơ bao gồm:** - Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp *(theo mẫu)* chậm nhất 10 ngày trước khi tiến hành công việc thu hoạch giống; - Kết quả thu hoạch giống cuối cùng thay báo cáo đề xin cấp giấy chứng nhận lô giống đã thu hoạch. **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ**
Thời hạn giải quyết:	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, Cá nhân.
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm.
Kết quả:	Giấy chứng nhận.
Phí và Lệ phí:	Phí công nhận nguồn gốc lô giống. Mức thu: 600.000 đồng/lô giống
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp *(Phụ lục số 15, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011)*
Yêu cầu, điều kiện:	- Chủ nguồn giống cây trồng lâm nghiệp phải lưu giữ các văn bản, chứng từ liên quan, lập sổ theo dõi cập nhật để chứng minh được mọi loại vật liệu giống đưa vào sản xuất kinh doanh và lưu thông đều có mã số nguồn giống rõ ràng, chính xác với số lượng và năm sản xuất; - Mọi loại vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính lưu giữ trong kho hoặc trong quá trình lưu thông, vận chuyển phải được gắn nhãn với các thông tin sau đây: Tên và địa chỉ của chủ nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; Tên khoa học, tên Việt Nam và tên địa phương (nếu có) của vật liệu giống; Số lượng kèm mã số nguồn giống của từng lô hạt giống, từng dòng vô tính; Năm sản xuất; - Trong quá trình thu hoạch giống, chủ nguồn giống phải lập sổ cập nhật các số liệu sau: a) Đối với hạt giống: + Khối lượng hạt thu hoạch được theo từng đợt tại hiện trường nguồn giống. + Khối lượng hạt nhập kho sau khi đã phơi sấy và tinh chế. b) Đối với giống vô tính: + Số hom hoặc số bình cấy (mô) của từng dòng đưa vào nhân giống. + Số cây giống vô tính đã nhân thành công của từng dòng đang được nuôi dưỡng. - Khi xuất bán các loại vật liệu giống, chủ nguồn giống có trách nhiệm: + Lập phiếu xuất kho và hóa đơn bán hàng theo mẫu của Bộ Tài chính,

	ghi rõ khối lượng của từng nguồn giống (đối với hạt giống), số hom, số bình mô hoặc số cây con của từng dòng kèm theo mã số của nguồn giống/dòng để giao cho khách hàng và lưu tại đơn vị; + Bản sao chứng nhận nguồn gốc của lô giống của lô giống bán cho khách hàng; + Ghi chép cập nhật vào sổ theo dõi. Bản lưu phiếu xuất kho, hóa đơn tài chính và sổ theo dõi là chứng từ giải trình trong các kỳ thanh tra, kiểm tra.
Căn cứ pháp lý:	*- Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004;* *- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;* *- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.* *- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính*

Phụ lục 15: Mẫu thông báo thu hoạch giống lâm nghiệp

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp

Kính gửi: **- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Kon Tum**
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum.

Thực hiện quy định trong thủ tục giám sát chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp chính; căn cứ vào sản lượng hiện thời của nguồn giống của đơn vị (hoặc của chủ nguồn giống có hợp đồng kinh tế với đơn vị), chúng tôi xin thông kế hoạch tiến hành thu hoạch vật liệu giống theo thời gian và khối/số lượng dự kiến như sau:

Phần 1: Thông báo thu hoạch vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp	
Tên chủ nguồn giống	
Địa chỉ kèm theo Tel/Fax/Email của chủ nguồn giống	
Đơn vị thu hái vật liệu giống	❑ Chủ nguồn giống tự tổ chức thu hái ❑ Đơn vị SXKDGLN tổ chức thu hái theo hợp đồng với chủ nguồn giống.
Tên và địa chỉ đơn vị SXKDGLN hợp đồng thu hái vật liệu giống với chủ nguồn giống	
Loài cây được thu hoạch giống	
Mã số nguồn giống	
Địa điểm nguồn giống được thu hái	
Loại hình nguồn giống (theo chứng chỉ công nhận nguồn giống)	❑ Lâm phần tuyển chọn ❑ Bình cấy mô ❑ Rừng giống chuyển hoá ❑ Cây mẹ (Cây trội) ❑ Vườn cung cấp hom ❑ Rừng giống ❑ Vườn giống
Thời gian dự kiến thu hoạch giống	– Ngày bắt đầu: – Ngày kết thúc:
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của đơn vị thu hoạch
Phần 2: Kết quả thu hoạch giống và xin cấp chứng nhận lô giống thu hoạch được	
Thời gian thu hoạch thực tế	– Ngày bắt đầu: – Ngày kết thúc:
Lượng thu hoạch thực tế sau khi tinh chế/xử lý	– Kg (đối với hạt giống) – Số hom (đối với vật liệu sinh dưỡng) – Số bình cấy (đối với vật liệu nuôi cấy mô)

Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của chủ nguồn giống
Ngày ... tháng ... năm 200...	Chữ ký và con dấu (nếu có) của đơn vị thu hoạch giống

Ghi chú: Thông báo này được làm thành 3 liên. Liên đầu (bản gốc) được chủ nguồn giống lưu giữ và điền các thông tin thích hợp theo tiến độ thực hiện việc thu hoạch giống. Liên 2 được chủ nguồn giống gửi tới Chi cục Kiểm lâm tỉnh sau khi đã điền vào phần 1, chậm nhất là 10 ngày trước khi tiến hành công việc thu hoạch giống. Liên 3 được gửi tới Chi cục Kiểm lâm tỉnh sau khi đã điền phần 2 và kết quả thu hoạch giống cuối cùng thay báo cáo để xin cấp giấy chứng nhận lô giống đã thu hoạch.